

Bản án số: 199/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 20 - 4 - 2020

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Trang
2. Ông Bùi Ngọc Hiếu

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Huyền Trang- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 513/2019/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2019 về: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 81/2020/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Bích H, sinh năm 1976

Địa chỉ: Căn hộ B1201, chung cư The Garden, số 295 Tân Kỳ- Tân Quý, phường T, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Vũ Đức H, sinh năm 1974

Địa chỉ: D6.19 chung cư Celadon, 36 Bờ Bao Tân Thắng, phường S, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà H có đơn xin vắng mặt, ông H vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn - bà Lê Thị Bích H trình bày: Bà và ông H tự nguyện chung sống từ năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 207, quyền số 02/2015 ngày 13/8/2015.

Quá trình chung sống sau khi kết hôn, thời gian đầu hạnh phúc, sau đó đến cuối năm 2015 giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do có nhiều bất đồng về lối sống không phù hợp, mâu thuẫn về cách nuôi dạy con cái,

công việc, từ đó vợ chồng thường xuyên gây gổ, cãi vã, ông H có đánh đập bà. Bà đã nộp đơn ly hôn đến Tòa nhiều lần nhưng vì muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình nên bà đều rút đơn về để vợ chồng đoàn tụ nhưng không thể cứu vãn được. Nay vợ chồng đã sống ly thân hơn 01 tháng nay. Nay bà nhận thấy không còn tình cảm với ông H nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà H và ông H có 01 con chung tên Vũ Công H, sinh ngày 30/11/2013. Khi ly hôn bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, bà không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà H khai không có.

Về nợ chung: Bà H khai không có.

Bị đơn - ông Vũ Đức H trình bày: Ông H xác nhận phần trình bày của bà H về thời gian kết hôn và chung sống là đúng. Ông H xác nhận giữa ông và bà H chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về kinh tế, bà H sử dụng tiền mà không giải thích được, đến khi làm ăn suy sụp thì bà H đổ hết lỗi cho ông, tính tình không hợp, mâu thuẫn trong cách chăm sóc con. Vợ chồng đã sống ly thân hơn một tháng nay, bà H ôm con bỏ đi nơi khác ở. Nay bà H yêu cầu ly hôn thì tôi không đồng ý vì giữa ông và bà H còn khúc mắc về tài sản chung, khi nào giải quyết xong về tài sản chung ông sẽ đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông và bà H có 01 con chung tên Vũ Công H, sinh ngày 30/11/2013. Nếu trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì tôi yêu cầu trực tiếp nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Ông H trình bày ông sẽ nộp đơn yêu cầu chia tài sản chung vào phiên họp và phiên hòa giải.

Về nợ chung: Ông H xác nhận không có.

Tòa án nhân dân quận Tân Phú đã tổ chức phiên hòa giải để các đương sự giải quyết ly hôn nhưng do bị đơn vắng mặt nên Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

+ Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đều tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án theo quy định tại các Điều 21, 28, 35, 39, 48, 51, 63, 68, 70, 71, 72, 171, 173, 177, 220, 234, 239, 248, 260 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Việc giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 207, quyển số 02/2015 do Ủy ban nhân dân phường T, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13/8/2015 thì quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông H là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính cách khác biệt, lối sống không còn hòa hợp, thường xuyên cãi vã do bất đồng nhiều quan điểm về kinh tế, cách nuôi dạy con cái dẫn đến cuộc sống

chung không còn hạnh phúc. Hiện nay ông bà đã sống ly thân, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Ông H xác nhận mâu thuẫn vợ chồng là có thật nhưng không đồng ý ly hôn vì còn khúc mắc về tài sản chung. Tuy nhiên, Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông H để đến Tòa hòa giải nhưng ông H không đến, không trình bày về việc yêu cầu chia tài sản chung, điều đó cho thấy ông H không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình. Như vậy có cơ sở để xác định mâu thuẫn giữa bà H và ông H đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Do đó, căn cứ vào Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 207, quyển số 02/2015 do Ủy ban nhân dân phường T, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13/8/2015 thì quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông H là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Ông H hiện cư trú tại quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, Tòa án nhân dân quận Tân Phú thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về thủ tục xét xử vắng mặt các đương sự:

Nguyên đơn - bà Lê Thị Bích H có đơn đề ngày 30/3/2020 yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H.

Đối với bị đơn - ông Vũ Đức H: Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng triệu tập ông H đến Tòa để tham gia phiên họp, hòa giải, xét xử nhưng ông H vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

3. Về yêu cầu của đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ và lời trình bày của bà H, ông H và các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện quá trình chung sống giữa bà H và ông H phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, thường xuyên cãi vã do có nhiều mâu thuẫn về kinh tế, về cách nuôi dạy con cái dẫn đến cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Hiện nay bà H và ông H đã sống ly thân, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Mặc dù ông bà đã cố gắng giải quyết mâu thuẫn nhưng không giải quyết được. Nay bà H xác nhận không còn tình cảm với ông H nên yêu cầu được ly hôn. Ông H xác nhận mâu thuẫn vợ chồng là có thật nhưng không đồng ý ly hôn vì còn khúc mắc về tài sản chung chưa giải quyết được, khi nào giải quyết tài sản chung xong ông sẽ đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy, Tòa án triệu tập ông H đến Tòa để tham gia phiên họp, hòa giải, phiên tòa xét xử nhưng ông H không đến mà không có lý do chính đáng, điều đó cho thấy ông H không thiết tha trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Việc ông H cho rằng ông chỉ đồng ý ly hôn sau khi chia tài sản chung xong là không có cơ sở chấp nhận.

Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử có cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông H đã thực sự trầm trọng, vợ chồng không còn cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được, Do đó chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về quan hệ con chung: Bà H và ông H xác nhận có 01 con chung tên Vũ Công H, sinh ngày 30/11/2013. Bà H và ông H cùng có yêu cầu trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng.

Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay trẻ H đang chung sống với bà H và có cuộc sống ổn định. Ông H yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung nhưng không đến Tòa để tham gia phiên họp, hòa giải và xét xử để trình bày ý kiến yêu cầu. Do đó, xét quyền lợi về mọi mặt của con chung, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của bà H về yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung: Bà H xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông H trình bày sẽ nộp đơn yêu cầu chia tài sản chung nhưng ông H không nộp đơn yêu cầu nên không có cơ sở xem xét. Ông H có quyền khởi kiện chia tài sản chung trong vụ án khác khi có yêu cầu.

- Về nợ chung: Bà H, ông H cùng xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của bà H được Tòa án chấp nhận, nên bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Bích H.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Bích H được ly hôn Vũ Đức H.

Quan hệ hôn nhân của bà Lê Thị Bích H và ông Vũ Đức H (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 207, quyển số 02/2015 do Ủy ban nhân dân phường T, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13/8/2015) chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Về quan hệ con chung: Giao bà H trực tiếp nuôi con chung tên Vũ Công H, sinh ngày 30/11/2013. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông H, do bà H không yêu cầu.

+ Ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nuôi con của người đó.

+ Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích; Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

+ Khi cần thiết, bà H có quyền yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung: Bà H xác nhận không có.

Về nợ chung: Bà H, ông H xác nhận không có.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí ly hôn là 300.000 đồng do bà Lê Thị Bích H chịu, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà H đã nộp theo Biên lai thu số 0012141 ngày 30/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo: Bà Lê Thị Bích H, ông Vũ Đức H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM -
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Tuyết Nhung

